

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP  
Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2,  
quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: 04.3292 9222  
Fax: 04.3291 9222  
Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Đặng Thủy Anh - Ủy viên HĐQT  
Địa chỉ: Tổ 35, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.  
Điện thoại cơ quan: 04.3292 9222  
Fax: 04.3291 9222

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
Nội dung thông tin công bố:

Ngày 20/04/2017 Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP công bố Báo cáo thường niên năm 2016

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP vào ngày 20/04/2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

Báo cáo thường niên năm 2016

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu VP.

Người thực hiện công bố thông tin



**Đinh Đặng Thủy Anh**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN**  
**AMD GROUP**  
**Năm báo cáo 2016**

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017



## A. THÔNG TIN CHUNG

### I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20/9/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 24/12/2016
- Vốn điều lệ: 623.999.360.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 623.999.360.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.3292 9222                      Số fax: 04.3291 9222
- Website: [www.amdgroup.vn](http://www.amdgroup.vn)
- Mã cổ phiếu: AMD

### II. Quá trình hình thành và phát triển

#### 1. *Quá trình hình thành và phát triển*

Tiền thân của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP là Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được thành lập lần đầu ngày 20/9/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019695 với vốn điều lệ ban đầu là 9,9 tỷ đồng. Ngày 23/04/2014 Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070, có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Ngày 24/12/2016 Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070, có vốn điều lệ 623.999.360.000 đồng và hoạt động ổn định cho đến nay.

Thời gian đầu thành lập AMD GROUP tập trung chủ yếu vào mảng hoạt động chính là tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý kinh doanh. Bước sang năm 2013, nắm bắt xu thế thị trường AMD GROUP bắt đầu mở rộng sang hoạt động kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ yếu là hàng điện tử, điện lạnh. Từ 2014, với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, AMD GROUP đã tìm hiểu, đánh giá và quyết định đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết có thương hiệu và có tiềm năng phát triển lớn là: Viện Quản lý và Phát triển Châu Á, Công ty cổ phần Vật tư và khoa học kỹ thuật Acetech, Công ty cổ phần Pink House Việt Nam, Công ty cổ phần AMD Smart, Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn. Đến năm 2016, AMD GROUP chuyển hướng tập trung vào lĩnh vực khoáng sản; trong đó, khai thác và kinh doanh đá tự nhiên là ngành nghề mũi nhọn ưu tiên. Đến nay, AMD GROUP đã có những thành tựu rất đáng ghi nhận bằng việc chính

thức đưa Nhà máy khai thác và chế biến đá tự nhiên tại Mỏ Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đi vào hoạt động ngày 7/1/2017 với tổng mức đầu tư 218 tỷ đồng. Nhà máy có quy mô lớn và được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến hàng đầu ngành đá hiện nay, được nhập từ Italia, Trung Quốc và Ấn Độ. Tiêu biểu như máy xẻ đá gang saw 100 lưỡi, máy cắt cầu nhiều lưỡi, máy đánh bóng 20 đầu, máy cắt đá bằng dây kim cương.... Nhà máy sản xuất đá thứ hai tại Mỏ Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã cơ bản hoàn thành việc xây lắp và chuẩn bị đi vào vận hành. Dự kiến công suất của hai nhà máy sau khi đi vào vận hành đạt khoảng 1 triệu m<sup>2</sup>/năm. Hiện nay, AMD GROUP đang tích cực hoàn thành thủ tục xin cấp phép khai thác đá tự nhiên tại mỏ thứ 3 tại Núi Ác Sơn, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, dự kiến sẽ hoàn thành các thủ tục cấp phép trong tháng 4/2017.

## **2. Các mốc sự kiện quan trọng**

- Ngày 19/05/2016, Viện Quản lý và phát triển Châu Á, đã ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số TIIG-VIE-C01 với Ban quản lý Quốc gia Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng mở rộng với tổng giá trị Hợp đồng là 2.100.000 USD về Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng mở rộng.
- Ngày 28/05/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) có văn bản số 2882/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của AMD GROUP.
- Ngày 03/06/2016, AMD GROUP được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (TTLKCK) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2014/GCNCP-VSD-1. Tổng giá trị cổ phiếu là 62.399.936 cổ phiếu.
- Ngày 10/06/2016, AMD GROUP được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) niêm yết chứng khoán bổ sung. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi bổ sung là 623.999.360.000 đồng.
- Ngày 30/06/2016, AMD GROUP được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 253/GP-UBND về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP được khai thác, chế biến khoáng sản tại núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 28/09/2016, Viện Quản lý và phát triển Châu Á, đã ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số QCBS/2015/01 với Ban quản lý dự án giáo dục trung học cơ sở khu vực khô khan nhất giai đoạn 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tổng giá trị Hợp đồng là 594.925 USD về Dự án giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2.
- Ngày 27/10/2016, AMD GROUP được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 395/GP-UBND về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư

và Khoáng sản AMD GROUP được khai thác, chế biến khoáng sản tại mỏ núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngày 24/12/2016, AMD GROUP được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 về việc đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP.

- Ngày 26/12/2016, AMD GROUP đã được UBCK Nhà nước cấp Giấy chứng nhận số 86/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 22/12/2016, AMD GROUP ký Hợp đồng cung cấp đá tự nhiên cho dự án HTKT Khu đô thị kết hợp công viên cây xanh với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng An Bình Thăng Long, tổng giá trị Hợp đồng tương đương 7.000.000.000 đồng.

- Ngày 06/01/2017, AMD GROUP được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 13/GP-UBND về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP được phép thăm dò khoáng sản tại mỏ núi Ác Sơn, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngày 07/01/2017, AMD GROUP đã tổ chức khánh thành giai đoạn 1 Nhà máy sản xuất và chế tác đá tự nhiên tại mỏ núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và đưa vào hoạt động.

### **III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **1. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Khai thác và kinh doanh khoáng sản;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý kinh doanh;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, du lịch nghỉ dưỡng;
- Giáo dục mầm non.

#### **2. Địa bàn kinh doanh**

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh của AMD GROUP đã phát triển rộng khắp cả nước tiêu biểu là tại các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng đồng bằng sông cửu long. Ngoài ra, AMD

GROUP đã vươn ra thị trường thế giới với các quốc gia tiêu biểu như: Singapore, Thái Lan, Philippines, Myanmar, Trung Quốc.

#### **IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

##### **1. Mô hình quản trị**

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn, bộ máy quản lý của AMD GROUP có cơ cấu tổ chức như sau:

##### **1.1. Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

##### **1.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty.

#### **Thành viên HĐQT**

<b>Ông Nguyễn Tiến Đức</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
<b>Ông Ngô Công Chính</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>Ông Nguyễn Quốc Trường</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>Bà Đàm Thị Ngân</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
<b>Ông Vũ Phạm Hải Đăng</b>	<b>Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/07/2016)</b>
<b>Bà Đinh Đặng Thủy Anh</b>	<b>Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2016)</b>

#### **1.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như những vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

#### **Thành viên BKS**

<b>Bà Nguyễn Thúy Nhung</b>	<b>Trưởng BKS</b>
<b>Ông Hồ Sỹ Bắc</b>	<b>Thành viên BKS</b>
<b>Bà Lê Thị Hoàng Anh</b>	<b>Thành viên BKS</b>

#### **1.4. Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

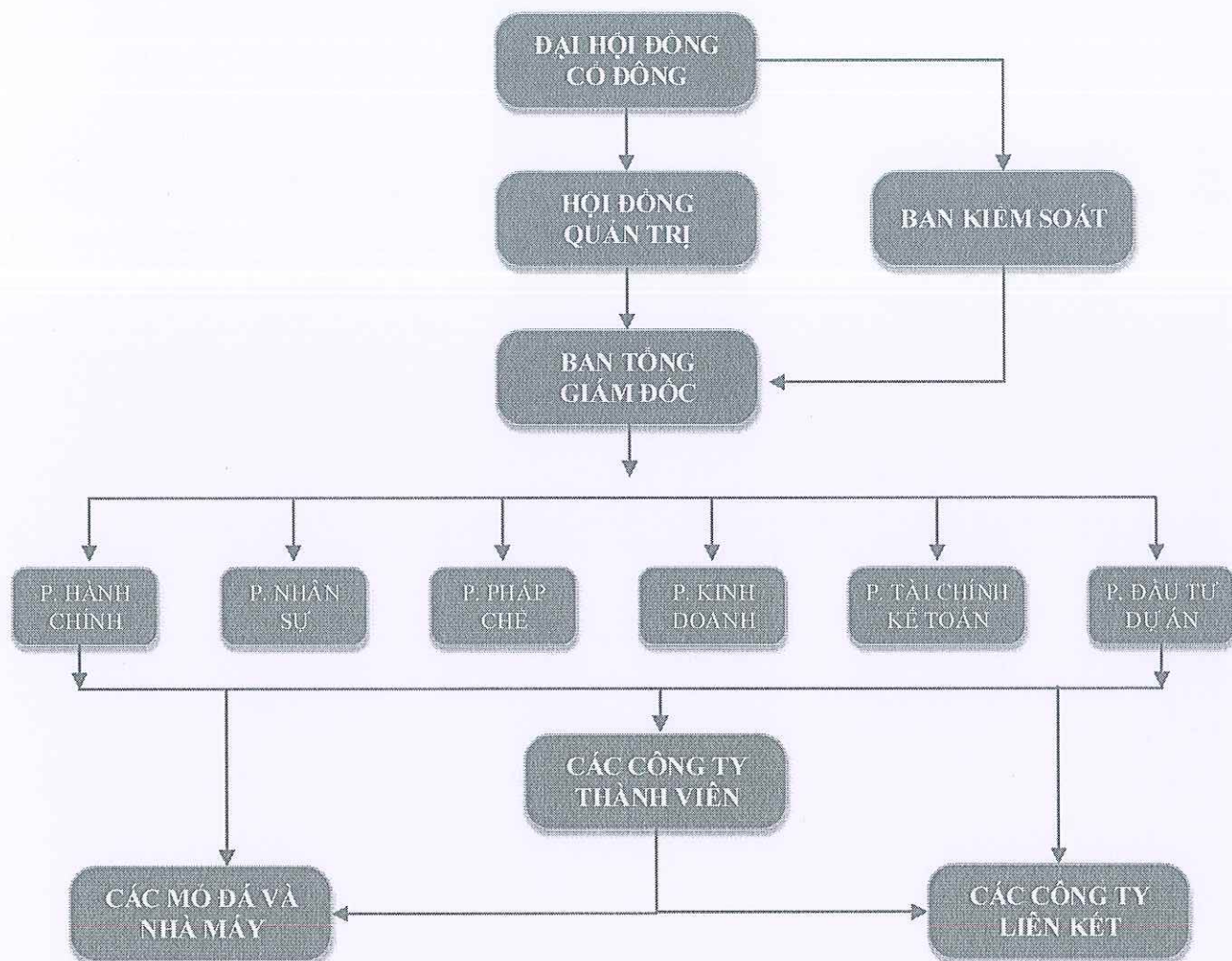
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

#### **Thành viên Ban Tổng giám đốc**

<b>Ông Nguyễn Tiến Đức</b>	<b>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>
<b>Ông Ngô Công Chính</b>	<b>Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc</b>
<b>Ông Nguyễn Đăng Tâm</b>	<b>Phó Tổng Giám đốc</b>
<b>Ông Đào Tiên Dương</b>	<b>Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 15/12/2016)</b>
<b>Bà Đinh Đặng Thủy Anh</b>	<b>Thành viên HĐQT, phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 15/12/2016)</b>



2. Cơ cấu bộ máy quản lý



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

### 3. Các công ty con, công ty liên kết

#### ▪ Danh sách công ty con

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đăng ký/vốn thực góp của AMD GROUP (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của AMD GROUP (%)
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý	30.000.000.000	174.837.600.000	59,48%
Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị khoa học kỹ thuật Acetech	Số 62, ngõ 322 phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác....	10.000.000.000	9.500.000.000	95%
Công ty cổ phần Pink House Việt Nam	Số 89 ngõ 178 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục mầm non; dịch vụ hỗ trợ giáo dục....	15.000.000.000	14.250.000.000	95%
Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh xăng dầu, buôn bán vật liệu xây dựng	120.000.000.000	119.400.000.000	99,50%
Công ty cổ phần AMD Smart	Số nhà 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy tính, Xuất bản phần mềm	10.000.000.000	9.800.000.000	98%
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Khai thác, kinh doanh và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng	150.000.000.000	120.000.000.000	80%

▪ Danh sách công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đăng ký/vốn thực góp của AMD GROUP (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của AMD GROUP (%)
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, thị Trấn Yên Lạc, Huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Đầu tư xây dựng phát triển dự án khu nghỉ sinh thái, nhà hàng và kinh doanh thương mại	100.000.000.000	40.000.000.000	40%
Công ty CP Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đầu tư xây dựng khu trung tâm thể thao, kinh doanh các dịch vụ thể thao	100.000.000.000	44.775.000.000	44,77%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Sản xuất và kinh doanh thương mại	80.000.000.000	27.860.000.000	34,83%
Công ty CP Xây lắp công trình Việt Hàn	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tư vấn, xây dựng các công trình hạ tầng, thủy lợi, thủy điện và dân dụng	100.000.000.000	32.000.000.000	32%
Công ty CP Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh tổng hợp	100.000.000.000	36.000.000.000	36%

## V. Định hướng phát triển

### 1. Các mục tiêu chủ yếu

AMD GROUP đặt ra các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Trở thành thương hiệu đá tự nhiên dẫn đầu Việt Nam cả thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu.

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm ươm tạo công nghệ và Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đầu tiên, quy mô lớn nhất tại Việt Nam do tư nhân vận hành;

- Xây dựng ACETECH trở thành thương hiệu top 10 Việt Nam về lĩnh vực cung cấp thiết bị đa ngành;

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm thể thao Pháp Việt, là trung tâm thể thao chất lượng hàng đầu Việt Nam;

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành dự án Đầu tư xây dựng khu kinh doanh tổng hợp xăng dầu, VLXD và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh.

- Tiếp tục duy trì và phát triển Viện Quản lý và Phát triển Châu Á là đơn vị tư vấn phát triển có uy tín hàng đầu Việt Nam và trong khu vực.

### 2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng các mỏ và hoàn thiện lắp đặt dây chuyền sản xuất đá tự nhiên tại Thanh Hóa nhằm tăng công suất khai thác, sản xuất.

- Đầu tư và phát triển hệ thống phân phối đá tự nhiên AMDStone thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu.

- Phát triển và bảo vệ thương hiệu AMDStone, hoạch định chiến lược phù hợp nhu cầu thị trường và chiến lược cạnh tranh hiệu quả.

- Phát huy tối đa các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai.

- Tập trung công tác quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

- Tổ chức huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

- Nhân rộng mô hình khoán trên toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh của AMD GROUP và các đơn vị thành viên, theo đó sẽ áp dụng cơ chế áp chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận để tạo cơ chế gắn chặt quyền lợi người lao động với kết quả kinh doanh của đơn vị, nâng cao hơn nữa năng suất lao động và đời sống cán bộ nhân viên. Tạo cơ chế tự chủ về nguồn vốn đối với các đơn vị kinh doanh trực tiếp.

- Kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân sự. Tiếp tục thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cải cách cơ bản chế độ lương, thưởng và phúc lợi trong Công ty, kết hợp

với chế độ đãi ngộ thỏa đáng và tạo môi trường làm việc thuận lợi để tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng của mình.

- Tăng cường tìm kiếm, tiếp cận thị trường, nhất là những thị trường mới. Lựa chọn các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh để hợp tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước, đồng thời từng bước chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

- Phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.

## **VI. Các rủi ro:**

### **1. Rủi ro kinh tế**

Những nhân tố có thể ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của Công ty bao gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội của xã hội, thị trường, lãi suất, lạm phát....

### **2. Rủi ro hoạt động sản xuất, kinh doanh**

Hiện nay, hoạt động của AMD GROUP chịu một số ảnh hưởng nhất định trong môi trường sản xuất kinh doanh đặc thù, cụ thể: Đối với lĩnh vực tư vấn, đào tạo, nghiên cứu: rủi ro về nguồn nhân lực và chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn khi nền kinh tế đang trên đà phát triển. Đồng thời, Công ty có thể gặp rủi ro trong vấn đề cạnh tranh nguồn khách hàng đối với các trung tâm nghiên cứu, đào tạo của các trường đại học lớn hoặc của các Bộ, ngành chuyên môn.

Trong mảng giáo dục mầm non: Hệ thống trường mầm non Pinkhouse được AMD GROUP triển khai theo mô hình của hệ thống giáo dục mầm non chuyên nghiệp với trang bị hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, quy trình đào tạo chuẩn mực, chuyên nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh này vẫn có thể gặp rủi ro liên quan đến các yếu tố tâm lý xã hội của các phụ huynh; về chính sách pháp luật của nhà nước điều chỉnh các hoạt động dạy và học trong thời kỳ mầm non...

Trong mảng khai thác đá tự nhiên: Những rủi ro về thời tiết, thiên tai trong mùa mưa bão khiến công việc khai thác bị trì hoãn ảnh hưởng đến công suất khai thác. Những rủi ro về vấn đề cạnh tranh với các thương hiệu đá trong nước và đá nhập khẩu là rủi ro không thể không xét đến, đặc biệt là đá của Trung Quốc. Với thói quen tiêu dùng của người Việt là “sính ngoại” thì việc thuyết phục khách hàng sử dụng thương hiệu đá trong nước cũng gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với chất lượng đá hàng đầu và mẫu mã phong phú, AMDStone khẳng định trở thành thương hiệu đá được tin dùng nhất tại Việt Nam.

## B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

### I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1. Về thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán)

Kết quả hoạt động kinh doanh của AMD GROUP năm 2016 đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Cụ thể là:

Chỉ tiêu (1)	Thực hiện (2)	Kế hoạch (3)	Tỷ lệ hoàn thành (4) = (2)/(3)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	1.445.628	1.250.150	115,6%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	43.401	70.536	61,5%

Năm 2016, AMD GROUP đã chính thức đạt mức doanh thu là 1.445 tỷ đồng, tăng 140,3% so với năm 2015 và đạt 115,6% so với kế hoạch năm 2016 đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 43,4 tỷ, tăng 173,4% so với năm 2015 và đạt 61,5% so với kế hoạch.

Xét về doanh thu, năm 2016 AMD GROUP có nhiều sự thay đổi do định hướng lại lĩnh vực hoạt động song vẫn giữ sự tăng trưởng về doanh thu là rất đáng ghi nhận. Về lợi nhuận, so với kế hoạch đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2016, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 61,5% một phần xuất phát từ việc AMD GROUP tập trung nguồn lực tối đa hóa lợi ích về mặt dài hạn vào đầu tư xây dựng Nhà máy khai thác Đá tự nhiên tại Thanh Hóa

### II. Tổ chức và nhân sự

#### 1. Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	2.160.000	3,46%
2	Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng giám đốc	432.000	0,69%
3	Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng giám đốc	21.600	0,03%
5	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0	0%

## 2. Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Lý do thay đổi	Thời điểm có hiệu lực
1	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm	15/12/2016
2	Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm	15/12/2016
3	Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm	21/7/2016
4	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm	21/7/2016

## 3. Số lượng cán bộ, nhân viên và đối với người lao động

Năm 2016, đẳng cấp và vị thế của AMD GROUP đã thay đổi rất nhiều, với lĩnh vực hoạt động kinh doanh đa ngành và được trải dài từ Bắc vào Nam. AMD GROUP đã tạo thêm hơn 300 việc làm mới, nâng tổng số nhân sự hiện tại của cả Tập đoàn lên gần 400 lao động.

### Chính sách đào tạo

AMD GROUP đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả CBNV mới gia nhập Công ty đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Bên cạnh việc tự tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện bổ sung các kỹ năng cần thiết cho nhân viên, AMD GROUP đã cử cán bộ tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn tại các cơ sở đào tạo có uy tín.

### Chính sách phúc lợi

AMD GROUP đã xây dựng chính sách lương bổ sung, thưởng theo kết quả hoàn thành công việc, chỉ tiêu được giao nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Công ty.

Công ty thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp.

### III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Trong năm 2016, Công ty đã tiến hành việc chuẩn bị, hợp tác và đưa một số dự án lớn vào hoạt động:

##### **Dự án Mở đá xây dựng tại Thanh Hóa**

Đến nay, AMD GROUP đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng Nhà máy khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và đang tập trung đẩy mạnh đầu tư xây dựng 2 nhà máy còn lại tại huyện Vĩnh Lộc và huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Dự kiến Quý 2 năm 2017, sẽ hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy thứ 2 tại Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động, dự kiến tổng công suất sản xuất đạt khoảng 1 triệu m<sup>2</sup>/năm.

- Mở đá và nhà máy tại Núi Loáng: thuộc địa phận xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, có điều kiện khai thác, vận chuyển thuận lợi. Tổng diện tích mỏ 8,7 ha, trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha, diện tích khu vực khai trường khoảng 2,7 ha. Mỏ đá Núi Loáng có trữ lượng trên 1,8 triệu m<sup>3</sup>, bao gồm đá cẩm thạch nguyên nguyên khối, đá trang trí cao cấp và đá xây dựng chất lượng cao với nhiều mẫu mã và màu sắc độc đáo. Nhà máy chế tác và sản xuất các sản phẩm từ đá với diện tích khoảng 2,0 ha.

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Loáng gồm:

- Đá cẩm thạch đánh bóng
- Đá mỹ nghệ, đá trang trí
- Đá xây dựng
- Tranh đá
- Mỏ đá và nhà máy núi Bền: thuộc địa phận xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khoảng 7,638 ha; trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha; diện tích khu vực khai trường khoảng 1,638 ha. Mỏ đá Núi Bền có trữ lượng khoảng 2,4 triệu m<sup>3</sup>, bao gồm đá nguyên khối dùng đá mỹ nghệ và đá xây dựng chất lượng cao... Nhà máy chế tác và sản xuất đá mỹ nghệ với diện tích khoảng 1,0 ha.

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Bền gồm:

- Đá mỹ nghệ cao cấp
- Đá ghi sáng
- Đá ốp lát
- Đá xây dựng
- Mỏ đá núi Ác Sơn: thuộc địa phận xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khoảng 8,5 ha; trong đó diện tích khu vực khai thác khoảng 6,0 ha; diện tích khu vực khai trường khoảng 2,5 ha. Mỏ đá Núi Ác Sơn có trữ lượng khoảng 2,8 triệu m<sup>3</sup>, bao gồm đá nguyên khối dùng làm đá ốp lát và đá trang trí cao cấp ...

Các sản phẩm chủ yếu được khai thác tại mỏ đá núi Ác Sơn gồm:

- Đá xanh rêu
- Đá mỹ nghệ
- Đá trang trí cao cấp
- Đá ốp lát



### **Dự án Tổ hợp Ươm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao**

Dự án Tổ hợp Ươm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm có diện tích 2,2 ha nằm trên ba mặt đường trong đó đường Trần Hữu Dực là trục đường chính của quận Nam Từ Liêm, kết nối các khu đô thị, trung tâm thương mại và hành chính của quận sẽ được sử dụng để xây dựng một Trung tâm ươm tạo công nghệ đẳng cấp khu vực. Hiện tại, dự án đã làm xong toàn bộ phần hạ tầng và các thủ tục pháp lý để đón đầu cho tuyến đường Trần Hữu Dực mở ra và triển khai việc xây dựng các hạng mục công trình tiếp theo. Đây là dự án trọng điểm của AMD GROUP trong những năm tiếp theo, với tổng mức đầu tư khoảng hơn 500 tỉ đồng, đòi hỏi phải tập trung và ưu tiên nguồn lực để thực hiện thành công dự án này.

### **Dự án Khu nhà nghỉ, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại**

Dự án do Công ty Cổ phần DECO HOUSE là một đơn vị thành viên của AMD GROUP triển khai để xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại trung tâm của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ quảng bá các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng. Với quy mô 7.200 m<sup>2</sup>, tổng mức đầu tư 25 tỷ đồng, dự án sẽ là một không gian giao lưu văn hóa, một điểm vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng tiện lợi, hiện đại nhất tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu, cửa hàng VLXD và trạm dừng nghỉ**

Dự án nằm trên tuyến đường tỉnh lộ 287 tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn – Công ty con của AMD GROUP làm chủ đầu tư. Tuyến đường tỉnh lộ 287 là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh Bắc Ninh với lưu lượng các phương tiện qua lại rất lớn, dự án Bãi đỗ xe, dịch vụ VLXD, kết hợp du lịch sinh thái với quy mô 20.000 m<sup>2</sup>, tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng sẽ đáp ứng tối đa nhu cầu thiết yếu về nhiên vật liệu cho người dân tại địa phương và Hà Nội. Hiện nay, dự án đã được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du và đang thực hiện các bước tiếp theo để kịp đưa dự án vào hoạt động năm 2017.

### **Dự án Trung tâm thể thao Pháp Việt**

Với việc định hướng cho Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn đầu tư vào Công ty cổ phần Dịch vụ Pháp Việt - đơn vị đang sở hữu dự án Khu trung tâm thể thao Pháp Việt có diện tích 2,2ha tại Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội nên hiện nay AMD GROUP đang gián tiếp điều phối triển khai dự án này. Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động năm 2018.

## 2. Tóm tắt về hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

### 2.1. Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị KHKT Acetech (Công ty Acetech)

Năm 2016, Công ty Acetech đạt mức doanh thu 45,6 tỷ đồng và mức lợi nhuận trước thuế đạt 2,35 tỷ đồng, tăng hơn 168% so với năm 2015. Có được những kết quả đáng kể trên là do Công ty là đại lý phân phối (Distributor) khu vực phía Bắc của hãng Oerlikon Leybold Vacuum - Đức. Một nhà sản xuất hàng đầu thế giới về bơm chân không và các hệ thống chân không. Bên cạnh các khách hàng truyền thống như Viện Khoa học Vật liệu – Viện hàn lâm KHCN Việt Nam, các nhà máy Z23, Z181... thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Công ty cũng đã triển khai được các hợp đồng với những đối tác mới tiềm năng như: Viện ứng dụng công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Bộ GD&ĐT.

### 2.2. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Đông Sơn

Công ty Đông Sơn được thành lập với mục tiêu triển khai dự án đầu tư, kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên để có kinh nghiệm trong kinh doanh, đồng thời có thêm nguồn lực để triển khai dự án, Công ty đã chủ động mở ra hướng kinh doanh thương mại liên quan đến vật liệu xây dựng, mua bán máy móc thiết bị và thiết bị y tế khác... Kết thúc năm 2016, Công ty đã đạt doanh thu là 389,8 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 13,57 tỷ đồng. Đây là kết quả đáng ghi nhận đối với một Công ty mới thành lập và phát triển như Đông Sơn.

### 2.3. Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (Viện AMDI)

Năm 2016, Viện AMDI đạt doanh thu 29,6 tỷ đồng đạt 82% so với năm 2015 và lợi nhuận 1,8 tỷ đồng tăng 120% so với năm 2015.

Có được những kết quả trên trên là sự nỗ lực của toàn bộ CBCNV của Viện AMDI qua việc triển khai thành công các dự án đã trúng thầu các dự án lớn như: Dự án EU-Mutrap, Dự án ESRT (EU-du lịch), Dự án SPS Lào và SPS Việt Nam, Dự án EU-Health, Dự án thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu vùng sông Mê Kông (Mekong ARCC), Dự án VN-Haz/WB5, Dự án GIZ về thích ứng với lũ lụt tại Đồng Tháp.

Bên cạnh đó là nỗ lực của Ban lãnh đạo, Hội đồng thành viên trong việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao vai trò kiểm soát, quản trị rủi ro và tối đa hóa các lợi thế cạnh tranh của đơn vị nhằm giảm tối đa chi phí hoạt động để tăng Lợi nhuận. Cụ thể, tuy doanh thu giảm 18% nhưng lợi nhuận lại tăng 20%

### 2.4. Công ty cổ phần AMD Smart (Công ty AMDS)

Việc mua và chiếm tỷ lệ chi phối Công ty AMDS nằm trong kế hoạch phát triển chiến lược lâu dài của AMD GROUP về lĩnh vực công nghệ, phần mềm. Trước mắt, AMDS tập trung nghiên cứu những sản phẩm đón đầu các dự án tương lai.

Trong năm 2016, AMDS cũng đã triển khai thành công một số sản phẩm kết hợp cùng với các đối tác mang lại nguồn doanh thu hơn 6 tỷ đồng và lợi nhuận là 2,7 tỷ đồng. Các

khách hàng tiềm năng đang là đối tác của AMDS như: Toyota, Mercedes, Madaz, Audi, Nissan... các sân Golf, các dự án bãi đỗ xe thông minh...

## 2.5. Công ty cổ phần Pink House Việt Nam

Năm 2016 Trường mầm non Pink house từ chỗ có 3 cơ sở với 376 học sinh năm 2015, đến nay đã tăng số cơ sở lên 4 địa điểm và số lượng học sinh tăng gần 500 học sinh. Trường đã áp dụng phương pháp và chương trình giáo dục mới Montessori là chương trình giáo dục mới nhất đã áp dụng trên thế giới. Đã mời chuyên gia xây dựng Chương trình đào tạo riêng cho Nhà trường và sẽ tiến hành đăng ký bản quyền chương trình học. Giáo viên được hướng dẫn, đào tạo các kỹ năng tổ chức các hoạt động, kỹ năng hướng dẫn và các kỹ năng giảng dạy khác. Nội dung học được thảo luận hàng tuần giữa chuyên gia và các giáo viên. Cơ sở vật chất ngày càng được nâng cao, không gian được gắn liền với thiên nhiên, trang thiết bị đồ dùng học tập hiện đại. Giáo viên được tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện công việc kỹ càng, đảm bảo tiêu chí về đạo đức, tâm huyết và kỹ năng giảng dạy tốt.

## 2.6. Công ty cổ phần AMD Khoáng sản (AMD Khoáng sản)

Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản được thành lập với mục đích chiến lược là: kênh phân phối chính cho các sản phẩm Đá tự nhiên của AMD GROUP và cũng chính là Công ty Mẹ.

Với vai trò này, AMD khoáng sản sẽ đóng vai trò kênh phân phối và cũng là kênh thu mua trung gian của Công ty Mẹ các sản phẩm Đá tự nhiên và sản phẩm Đá khác để cung cấp lại cho các Dự án lớn theo đơn đặt hàng của Công ty Mẹ. Tuy mới đi vào hoạt động chưa lâu nhưng AMD khoáng sản bước đầu đã đóng góp vào Doanh thu hợp nhất của Tập đoàn là gần 6 tỷ đồng với Lợi nhuận trước thuế là 126,6 triệu đồng.

Việc chuyên môn hóa khâu thương mại trong quá trình khai thác, sản xuất và phân phối là xu thế chung của các Tập đoàn lớn nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của từng khâu trong cả bộ máy, từ đó sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, giảm thiểu rủi ro và đem lại lợi nhuận cao hơn cho Tập đoàn.

## IV. Tình hình tài chính

### 1. Tình hình thực hiện so với năm 2015

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	505.424.241.238	1.305.606.890.629	158.32%
Doanh thu thuần	1.030.151.235.591	1.382.929.835.111	34.25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.818.063.404	57.830.245.549	66.09%

Lợi nhuận khác	301.140.611	512.519.125	70.19%
Lợi nhuận trước thuế	35.119.204.015	58.342.764.674	66.13%
Lợi nhuận sau thuế	25.020.720.996	43.401.649.627	73.46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Lợi nhuận sau thuế đạt **43.401.649.627 đồng**, tăng trưởng 73.46% so với năm 2015. Kết quả kinh doanh năm 2016 đã phản ánh nỗ lực của toàn Công ty trong bối cảnh nền kinh tế và các doanh nghiệp đang trải qua thời kỳ khó khăn hiện nay.

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,63	1.62	1.70
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,12	1.29	1.40
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0.37	0.44
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0.59	0.78
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,04	0.81	1.06
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0.05	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0.06	0.06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0.04	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh	0,03	0.06	0.04

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
doanh/Doanh thu thuần			

**V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**1. Cổ phần**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 62.399.936 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 32.366.586 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu: 30.033.350 cổ phần

**2. Cơ cấu Cổ đông Công ty tính đến thời điểm 23/03/2017**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu %
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>555</b>	<b>62.379.388</b>	<b>623.793.880.000</b>	<b>99,97%</b>
1	Cổ đông tổ chức	10	143	1.430.000	0,0002%
2	Cổ đông cá nhân	545	62.379.245	623.792.450.000	99,97%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>8</b>	<b>20.548</b>	<b>205.480.000</b>	<b>0,03%</b>
1	Cổ đông tổ chức	3	8.268	82.680.000	0,0133
2	Cổ đông cá nhân	5	12.280	122.800.000	0,0197
<b>III</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Cổ đông lớn</b>	-	-	-	-
	<b>Cổ đông nhỏ</b>	<b>563</b>	<b>62.399.936</b>	<b>623.999.360.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông ngày 23/03/2017 của TTLKCK VN)

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

*6.5. Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động năm 2016 gần 400 người với mức lương 10.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, thai sản cho người lao động theo quy định của Luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm và du lịch nghỉ dưỡng 01 lần/năm cho cán bộ nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo chung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hiện nay hoạt động đào tạo cán bộ nhân viên của Công ty được thực hiện dưới hai hình thức: đào tạo nội bộ và gửi cán bộ nhân viên tham dự các khóa đào tạo, tập huấn bên ngoài. Số giờ đào tạo trung bình năm 2016 là 72 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thường xuyên có các chương trình đào tạo, tập huấn giúp cán bộ nhân viên nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý và các kỹ năng mềm khác.

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Trong năm 2016, AMD Group thực hiện nhiều hoạt động xã hội và từ thiện, như: Tổ chức vận động ủng hộ đồng bào lũ lụt các tỉnh miền Trung: 80.000.000 đồng.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:*  
*Không có*

## C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 kết thúc với nhiều biến động lớn của Chính trị thế giới như: Bầu cử Tổng thống Mỹ, Anh rút khỏi liên minh Châu Âu, nội chiến ở Syria và vấn đề “Biến đổi khí hậu toàn cầu” chưa bao giờ hết nóng...., tất cả điều này đã tạo ra một bức tranh kinh tế “ảm đạm” trên Toàn cầu. Cụ thể, chỉ số tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 2,4%, giảm mạnh so với mức 2,9% hồi cuối năm ngoái. Và nền kinh tế Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế chung đó.

Do đó, ngay từ đầu năm 2016, AMD GROUP đã đề ra những nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho năm 2016 và những giải pháp để triển khai. Với việc định hướng lại mục tiêu ngành nghề cốt lõi là khai thác và chế biến Khoáng sản, AMD GROUP đã tập trung vào việc đầu tư xây dựng nhà máy khai thác và chế biến Đá tự nhiên.

Cụ thể, AMD GROUP đã hoàn thành và đưa vào hoạt động khai thác Nhà máy sản xuất và chế tác đá tự nhiên tại Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, Công ty cũng đang tập trung đẩy mạnh đầu tư xây dựng Nhà máy tại Núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bên cạnh đó, AMD GROUP cũng tập trung đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống phân phối, các kênh tiêu thụ và bước đầu đã ký được những hợp đồng cấp đá tự nhiên cho các dự án lớn.

Với nhiều mục tiêu được đặt ra trong năm 2016, AMD GROUP đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu đặt ra, trừ mục tiêu Lợi nhuận đã đăng ký với Đại hội đồng cổ đông, do tập trung nguồn lực vào đầu tư xây dựng Nhà máy.

### II. Tình hình tài chính

Với định hướng trở thành một tập đoàn có tiềm lực mạnh, lấy ngành khai thác và chế tác đá tự nhiên làm mũi nhọn để xây dựng một thương hiệu Đá tự nhiên được tin dùng trong nước và từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Năm 2016, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP đã dần khẳng định được sự lớn mạnh về tiềm lực kinh tế với tổng tài sản Hợp nhất tại ngày 31/12/2016 là 1.305 tỷ đồng. Với các chỉ số tài chính lành mạnh như chỉ số khả năng thanh toán, chỉ tiêu về cơ cấu vốn, khả năng sinh lời đều tốt và được các Ngân hàng lớn xếp hạng tín dụng A. Tất cả những chỉ số đó đều phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của AMD GROUP đang rất ổn định và ngày càng phát triển.

### III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2016, Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP đã có những bước ngày càng hoàn thiện cơ cấu nhân sự cũng như tổ chức bộ máy, tinh giảm gọn nhẹ, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc của cán bộ nhân viên trong công ty.

AMD GROUP cũng từng bước ổn định về mô hình tổ chức sau khi hoàn thành việc tái cấu trúc, tăng tỷ lệ sở hữu trong các đơn vị có tiềm năng phát triển.

Tăng cường công tác quản lý bằng việc hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

#### **IV. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2016**

- Tập trung đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng các Mỏ và nhà máy để sớm đưa vào vận hành khai thác và có sản phẩm đầu ra ngay nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Một mặt vẫn phải đảm bảo được chất lượng công trình qua khâu quản lý đầu tư xây dựng chặt chẽ và đúng quy trình.

- Đồng thời, AMD GROUP cũng phải xây dựng và phát triển ngay hệ thống phân phối, tích cực tìm kiếm nguồn khách hàng, xây dựng hệ thống đại lý để từng bước mở rộng thị trường và thị phần cho Công ty. Song song việc đầu tư xây dựng nhà máy và việc làm thị trường sẽ tăng hiệu quả sử dụng vốn do rút ngắn thời gian đầu tư và làm thị trường.

Bên cạnh đó là phải phát triển và bảo vệ thương hiệu AMDStone đồng thời với hoạch định một chiến lược cạnh tranh hiệu quả nhằm từng bước thay đổi thói quen tiêu dùng của người Việt với những sản phẩm trong nước cũng là một giải pháp tăng thị phần cho AMDStone.

- Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn. Nâng cao hiệu quả tiếp cận thị trường vốn trong nước, đặc biệt là thông qua thị trường chứng khoán phục vụ nhu cầu đầu tư kinh doanh.

- Năm 2016 cũng sẽ nhân rộng mô hình khoán trên toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh của AMD GROUP và các đơn vị thành viên, theo đó sẽ áp dụng cơ chế áp chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận để tạo cơ chế gắn chặt quyền lợi người lao động với kết quả kinh doanh của đơn vị, nâng cao hơn nữa năng suất lao động và đời sống cán bộ nhân viên. Tạo cơ chế tự chủ về nguồn vốn đối với các đơn vị kinh doanh trực tiếp.

- Tăng cường tìm kiếm, tiếp cận thị trường, nhất là những thị trường mới. Lựa chọn các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh để hợp tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước, đồng thời từng bước chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

- Tiếp tục chú trọng hơn nữa phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.



## D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016, Hội đồng quản trị có những ý kiến đánh giá như sau:

- Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm và được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với tình hình thực tế, định hướng tốt cho Ban Giám đốc trong triển khai thực hiện. Kết quả kinh doanh năm 2016 đã phản ánh sự cố gắng, nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong tình hình kinh tế hiện nay.

- Việc đầu tư xây dựng Nhà máy khai thác và chế tác đá tự nhiên tại Mỏ Núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng “thần tốc” và hoàn thành trong vòng 45 ngày đêm là kết quả hết sức ấn tượng thể hiện năng lực triển khai của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV của tập đoàn là rất đáng ghi nhận.

- Các mảng kinh doanh đều đạt và vượt chỉ tiêu doanh thu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đặc biệt là Ngành hàng Kinh doanh máy móc thiết bị đã thực hiện được những Hợp đồng lớn với tỷ suất lợi nhuận cao đóng góp lớn vào lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký được những Hợp đồng cung cấp đá vào các Dự án lớn ở Hà Nội và các tỉnh lân cận đã chứng tỏ được hướng đi của HĐQT là rất đúng đắn, bước đầu khẳng định được khả năng chinh phục thị trường của AMDStone.

- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng nhân sự, tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo quy định của pháp luật.

### II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty đến các phòng ban và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2016.

- Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà HĐQT đã ban hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng...

### III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát huy tối đa lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai, tăng tiến độ giải ngân của các dự án đã ký kết nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định.

- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu AMD GROUP; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty, đặc biệt chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững.

## E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

#### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT hiện nay của công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Số thành viên độc lập không điều hành là 02 người. Hội đồng quản trị gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu ngày 23/03/2017	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại Công ty khác	Ghi chú
1	<b>Nguyễn Tiến Đức</b>	Chủ tịch HĐQT	10/10/1977	3,46%	Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	
2	<b>Ngô Công Chính</b>	Thành viên HĐQT	19/9/1967	0,69%	Phó Viện trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	
3	<b>Nguyễn Quốc Trường</b>	Thành viên HĐQT độc lập	13/07/1960	2,68%	Giám đốc Công ty CP XNK Hàng không	
4	<b>Đinh Đặng Thủy Anh</b>	Thành viên HĐQT	20/09/1977	0%	Không	Bỏ nhiệm từ ngày 21/07/2016
5	<b>Đàm Thị Ngân</b>	Thành viên HĐQT độc lập	12/12/1979	0,005%	Phó Viện trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	
6	<b>Vũ Phạm Hải Đăng</b>	Thành viên HĐQT	09/05/1975	0,003%	Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á.	Miễn nhiệm từ ngày 21/07/2016

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

### a. Ông Nguyễn Tiên Đức – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN TIÊN ĐỨC**
  - Giới tính: Nam
  - Năm sinh: 10/10/1977
  - Nơi sinh: Bắc Ninh
  - Số CMTND: 012988821 cấp ngày 11/10/2007 nơi cấp: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Việt Đoàn – Tiên Du – Bắc Ninh
  - Địa chỉ thường trú: Số 01, ngách 54/39 đường Phạm Hùng, Đình Thôn, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
  - ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Hành chính Công
  - Quá trình công tác:
- | Năm                 | Nơi công tác   | Chức vụ                   |
|---------------------|--|---------------------------|
| ▪ Từ 2001 – 2004    | Học viện Ngân hàng                                   | Giảng viên                |
| ▪ Từ 2004 – 2006    | Công ty Remedy<br>Intelligent Staffing               | Trợ lý Giám đốc           |
| ▪ Từ 2006 – đến nay | Viện Quản lý và Phát triển<br>Châu Á                 | Chủ tịch Hội đồng Quản lý |
| ▪ Từ 4/2013 -2/2014 | Công ty Cổ phần Tập đoàn<br>FLC                      | Ủy viên HĐQT              |
| ▪ Từ 2010 – 01/2014 | Công ty Cổ phần Đầu tư<br>và khoáng sản AMD<br>Group | Ủy Viên Hội đồng Quản trị |
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
  - Chức vụ đang nắm giữ ở Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện Quản lý và Phát triển

- tổ chức khác: Châu Á
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
    - Sở hữu cá nhân: 2.160.000 cổ phiếu, chiếm 3,46%
      - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
      - Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Hòa	Mẹ	108.000	0,17%
Nguyễn Ngọc Diệp	Em	116.424	0,19%
Nguyễn Thị Mai	Em	108.000	0,17%
Dương Thị Bích Hạnh	Vợ	108.000	0,17%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

#### b. Ông Ngô Công Chính – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGÔ CÔNG CHÍNH**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 19/09/1967
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036067000022 cấp ngày 20/02/2014 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trực Đạo, Trực Ninh, Nam định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 78, ngách 241/61 Phố chợ Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý hành chính công

- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1989 – 1992	Quân đội	Cán bộ kỹ thuật
▪ Từ 1992 – 1993	Công ty Petroleum Technical Services	Kỹ thuật viên thông tin
▪ Từ 1993 – 2000	Tổ chức Holt International Children's Services tại Việt Nam	Chánh văn phòng (1993-1995); Trợ lý trưởng đại diện (1995-2000)
▪ Từ 2000 – 2006	Tổ chức Cứu trợ trẻ em Mỹ tại Việt Nam	Quyền PGĐ Hành chính/Tài chính (2006) Chánh văn phòng (2000-2004) Điều phối viên (2004 – 2006)
▪ Từ 2008 – 2009	Tổ chức Pathfinder Quốc tế tại Việt Nam	Phó trưởng đại diện
▪ Từ 2009 – nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Phó viện trưởng
▪ Từ 2014 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay ở công ty:

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

Phó Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á

- Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty

▪ Sở hữu cá nhân: 432.000 cổ phiếu chiếm 0,69%

▪ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

▪ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Các khoản nợ đối với công ty: Không

- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

**c. Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên HĐQT độc lập**

- Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 13/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011787200 cấp ngày 18/8/2008 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiên Động, Tứ Kỳ, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 39/158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 03/1985	Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Cán bộ Vụ TCCB
▪ Từ 01/1989	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Trợ lý phòng TCCB
▪ Từ 07/1995	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Chuyên viên ban TCCB-LĐTL
▪ Từ 09/1997	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Phó phòng ban TCCB-LĐTL
▪ Từ 01/2000	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Quyền trưởng phòng TCCB- LĐTL
▪ Từ 11/2004	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Trưởng phòng ban TCCB- LĐTL
▪ Từ 06/2004	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo loại hình	Phó Giám đốc VPKV Miền Bắc

Công ty TNHH Một thành  
viên

- Từ 09/2012                      Tổng Công ty Hàng không                      Phó Giám đốc chi nhánh  
Việt Nam theo loại hình                      Tổng Công ty Hàng không  
Công ty TNHH Một thành                      Việt Nam – KV Miền Bắc  
viên
- Từ 10/2013                      Công ty CP XNK Hàng                      Ủy viên HĐQT- Giám đốc  
không
- Từ 2014- đến nay                      Công ty cổ phần Đầu tư và                      Ủy viên HĐQT  
Khoáng sản AMD Group
- Chức vụ hiện nay ở công                      Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập  
ty:
- Chức vụ đang nắm giữ ở                      Giám đốc Công ty CP XNK Hàng không  
tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp                      Không  
luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
- Sở hữu cá nhân: 1.674.000 cổ phiếu chiếm 2,68%
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

**d. Ông Vũ Phạm Hải Đăng – Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 21/07/2016)**

- Họ và tên:                      **VŨ PHẠM HẢI ĐĂNG**
- Giới tính:                      Nam
- Năm sinh:                      09/05/1975
- Nơi sinh:                      Hà Nội
- Số CMTND:                      011917940 cấp ngày 14/7/2011 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch:                      Việt Nam
- Dân tộc:                      Kinh
- Quê quán:                      Hà Nội



- Địa chỉ thường trú: 47 dãy B, tập thể Đại học Ngoại Thương, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế học
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1997 – 1998	Bộ Tài Chính	Chuyên viên
▪ Từ 1999 – 2001	Đại sứ quán Úc tại Hà Nội	Nghiên cứu viên Kinh tế
▪ Từ 2005 – 2005	Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tại Mỹ	Trợ lý Nghiên cứu
▪ Từ 2003 – 2008	Đại học Tổng hợp New York, Mỹ	Trợ lý nghiên cứu/ Trợ giảng/ Giảng viên
▪ Từ 2009 – 2013	Đại học Quốc gia Hà Nội	Nghiên cứu viên cao cấp/ Giảng viên/ Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế học
▪ Từ 2013 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu
▪ Từ 2014 – đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group	Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
  - Sở hữu cá nhân: 1.620 cổ phiếu chiếm 0,003%
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

**e. Bà Đàm Thị Ngân – Thành viên HĐQT độc lập**

- Họ và tên: **ĐÀM THỊ NGÂN**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 12/12/1979
- Nơi sinh: Cao Bằng
- Số CMTND: 013402457 cấp ngày: 8/12/2011 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Tày
- Quê quán: Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
- Địa chỉ thường trú: Phòng 404, tầng 4 nhà F, P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 2003 – 2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng	Cán bộ tài chính
▪ Từ 2008 – 2010	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) - Dự án Phát triển Kinh doanh với Người nghèo	Phó Giám đốc
▪ Từ 2010 – 2011	Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội – Dự án tài trợ bởi UNDP	Cán bộ dự án
▪ Từ 2010 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Trưởng ban Phát triển Dự án
▪ Từ 2014 – đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group	Ủy Viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ hiện nay ở công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập	

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 3.375 cổ phiếu, chiếm 0,005%
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

**f. Bà Đinh Đặng Thủy Anh – Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 21/07/2016)**

- Họ và tên: ĐINH ĐẶNG THỦY ANH
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 20/09/1977
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMTND: 012971630 cấp ngày 10/06/2007 nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 35, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.3292 9222
- Địa chỉ Email: anhddt@amdgroup.vn
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 2003 đến 2007	Công ty CP XD và KD	Kế toán trưởng
▪ Từ 2007 đến 2009	Bất động sản Thái Bình	
	Công ty CP Chứng khoán Vin Com (VinGroup)	Kế toán trưởng
▪ Từ 2001 đến 2013	Công ty CP Tài chính Xi măng	Phó Phòng Kế toán

- Từ 2015 đến nay Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản AMD Group Kế toán trưởng
- Từ 7/2016 đến nay Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản AMD Group Ủy viên Hội đồng quản trị
- Từ 12/2016 đến nay Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản AMD Group Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Các cam kết nắm giữ: Không
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

**2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban

**3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã tổ chức 23 cuộc họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các cuộc họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số cuộc họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế – xã hội.

Định kỳ 06 tháng và hàng năm HĐQT đã có báo cáo quản trị gửi UBCK và cổ đông (báo cáo đăng tải tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

*Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2016):*

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT	07/01/2016	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
2	02/2016/NQ-HĐQT	01/02/2016	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
3	03/2016/NQ-HĐQT	04/02/2016	Thông qua các báo cáo và tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
4	04/2016/NQ-HĐQT	11/03/2016	Thông qua việc góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản và cử người đại diện quản lý vốn góp
5	05/2016/NQ-HĐQT	11/03/2016	Thông qua chủ trương góp vốn để tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn
6	06/2016/NQ-HĐQT	11/03/2016	Về việc thông qua góp vốn hợp tác đầu tư dự án và bổ sung vốn lưu động
7	07/2016/NQ-HĐQT	15/03/2016	Về việc đăng ký mở tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng
8	08/2016/NQ-HĐQT	15/03/2016	Về việc tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
9	09/2016/NQ-HĐQT	15/03/2016	Về việc thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	10/2016/NQ-HĐQT	31/03/2016	Về việc tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
11	11/2016/NQ-HĐQT	12/05/2016	Về việc nộp tiền mua cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
12	12/2016/NQ-HĐQT	19/05/2016	Về việc triển khai kế hoạch kinh doanh quý II năm 2016
13	13/2016/NQ-HĐQT	20/05/2016	Về việc phê duyệt tổng mức đầu tư của Dự án xây dựng nhà máy khai thác chế biến đá tại núi Loáng, xã Yên Lâm, huyện Yên

			Định, tỉnh Thanh Hóa.
14	14/2016/NQ-HĐQT	28/05/2016	Về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu riêng lẻ; thông qua việc điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận ĐK doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty
15	15/2016/NQ-HĐQT	30/05/2016	Về việc đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	16/2016/NQ-HĐQT	06/06/2016	Về việc Thống nhất phương án vay vốn và cử người đại diện ký các hồ sơ, văn bản với Ngân hàng BIDV Hà Thành
17	17/2016/NQ-HĐQT	30/06/2016	Về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2016.
18	18/2016/NQ-HĐQT	04/07/2016	Thông qua ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2016
19	19/2016/NQ-HĐQT	08/07/2016	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty
20	20/2016/NQ-HĐQT	21/07/2016	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018
21	21/2016/NQ-HĐQT	01/09/2016	Thông qua việc góp vốn để thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Startup Việt và cử người đại diện quản lý vốn
22	22/2016/NQ-HĐQT	01/09/2016	Triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 06/08/2016
23	23/2016/NQ-HĐQT	01/09/2016	Đăng ký mở tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng
24	24/2016/NQ-HĐQT	01/09/2016	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
25	25/2016/NQ-HĐQT	26/09/2016	Thông qua một số nội dung trong việc đợt phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/08/2016
26	26/2016/NQ-HĐQT	29/09/2016	Thông qua số lượng con dấu sử dụng của

			Công ty
27	27/2016/NQ-HĐQT	11/10/2016	Hiệu chỉnh một số thông tin đã ban hành tại Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐQT ngày 26/09/2016
28	28/2016/NQ-HĐQT	2/11/2016	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2016
29	29/2016/NQ-HĐQT	21/11/2016	Thông qua tổng mức đầu tư, phương án vay vốn, ủy quyền người đại diện ký các hồ sơ văn bản với Ngân hàng BIDV Hà Thành
30	30/2016/NQ-HĐQT	21/11/2016	Thông qua hồ sơ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
31	31/2016/NQ-HĐQT	30/11/2016	Thông qua phương án bổ sung các hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào danh mục tài trợ vốn lưu động năm 2016 tại BIDV Chi nhánh Hà Thành
32	32/2016/NQ-HĐQT	30/12/2016	Về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược để tăng vốn Điều lệ Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
33	01/2016/QĐ-HĐQT	12/12/2016	Bổ nhiệm chức danh phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính đối với bà Đinh Đặng Thủy Anh
34	01A/2016/QĐ-HĐQT	12/12/2016	Miễn nhiệm chức danh phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, kinh doanh đối với ông Đào Tiến Dương

## II. Ban Kiểm soát

### 1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	<b>Nguyễn Thúy Nhung</b>	Trưởng Ban Kiểm soát	04/02/1980	6.615	0,011%
2	<b>Hồ Sĩ Bắc</b>	Thành viên BKS	12/07/1973	0	0%
3	<b>Lê Thị Hoàng Anh</b>	Thành viên BKS	05/8/1973	864	0,001%

### SƠ YẾU LÝ LỊCH

#### a. Bà Nguyễn Thúy Nhung – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THÚY NHUNG**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 04/02/1980
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Số CMTND: 012882913 cấp ngày 18/01/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 12, ngõ 49, Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
- Năm
- Nơi công tác
- Chức vụ
- Từ 08/2001 – 05/2004 Công ty TNHH Yên Khoa Kế toán thuế



- Từ 10/2004 – 12/2009 Công ty TNHH Công thương Hưng Long Phụ trách kế toán
  - Từ 01/2010 – 10/2013 Viện Quản lý và Phát triển Châu Á Kế toán tổng hợp
  - Từ 10/2013 – đến nay Viện Quản lý và Phát triển Châu Á Kế toán trưởng
  - Từ 2014 – đến nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Trưởng Ban kiểm soát
  - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Kế toán trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
    - Sở hữu cá nhân: 6.615 cổ phiếu, chiếm 0,011%
    - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
    - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
  - Các khoản nợ đối với Công ty: không
  - Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

#### b. Ông Hồ Sĩ Bắc – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **HỒ SĨ BẮC**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 12/07/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011669087 cấp ngày: 19/11/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 14A/187/49 Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc Tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 8/1994 – 6/1998	Công Ty Nước Giải Khát Quốc Tế IBC PEPSI – CN Hà	Kế toán viên cao cấp
▪ Từ 6/1998 – 6/2000	Công Ty TNHH Quốc Tế LCM	Kế toán trưởng
▪ Từ 6/2000 – 3/2004	Dự án SUMA / DANIDA Đan Mạch	Kế toán trưởng
▪ Từ 3/2004 – 10/2005	Nhà Máy Ôtô Đồng Vàng- Tổng Cty CN Ôtô Việt Nam	Phó phòng tài chính kế toán
▪ Từ 10/2005 – 4/2013	Capital Garden Hotel	Giám Đốc Tài Chính- Kế Toán Trưởng
▪ Từ 05/2013 – đến nay	Công ty CP Khách Sạn và Dịch Vụ Đại Dương	(5/2013 – 2/2014) Giám Đốc Tài Chính khối F&B (3/2014 - nay) Giám Đốc Điều Hành khối F&B
▪ Từ 2014- đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và khoáng sản AMD Group	Ủy viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay ở công ty:	Ủy viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Giám Đốc Điều Hành khối F&B - Công ty CP Khách Sạn và Dịch Vụ Đại Dương	
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty		

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0 %
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

**c. Bà Lê Thị Hoàng Anh – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: **LÊ THỊ HOÀNG ANH**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 05/8/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011648519 cấp ngày 07/05/2003 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng số 02, tầng 11, Nhà A, Số 6 Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Phòng số 02, tầng 11, Nhà A, Số 6 Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.3292 9222
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ, cử nhân kinh tế quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1997 – 1999	Công ty Việt Anh	Thư ký Cổ vấn marketing
▪ Từ 1999 – 2000	Viện Kinh tế Chuyển đổi (ERI)	Cán bộ hành chính
▪ Từ 2000 – 11/2013	Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam	Phó Tổng thư ký Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành
▪ Từ 12/2013 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)	Cán bộ dự án
▪ Từ 2015 – đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và	Ủy viên Ban Kiểm soát

Khoảng sản AMD GROUP

- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Cán bộ dự án tại Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 864 cổ phiếu, chiếm 0,001%
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

**3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra giám sát các dự án đầu tư;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thường xuyên trao đổi nội bộ cũng như với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý của Công ty.

### 3.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

#### 3.1.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới, khu vực còn gặp nhiều khó khăn sau khủng hoảng, tuy nhiên, với việc lãnh đạo điều hành doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra được các giải pháp đúng đắn, kịp thời, cùng với toàn thể cán bộ, nhân viên toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2016, vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

#### 3.1.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cụ thể như sau:

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 là Công ty TNHH kiểm toán ASC (nay là Công ty TNHH kiểm toán TTP).
- Công ty đã hoàn tất việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bổ sung ngành nghề, tăng vốn điều lệ, thay đổi tên và địa chỉ trụ sở Công ty
- Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2016 để bảo đảm nguồn tài chính hoạt động kinh doanh và phục vụ cho các dự án đầu tư,
- Thực hiện tốt các chủ trương đầu tư như thành lập, góp vốn, quản lý vốn góp tại các công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác...
- Thực hiện tốt nhiệm vụ tái cấu trúc bộ máy và các hoạt động tại Công ty và các Công ty thành viên.

#### 3.1.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP
- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

Đến 31/12/2016, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2016 theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	% hoàn thành
Doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	1.445.628	1.250.150	115,6%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	43.401	70.536	61,5%

### 3.2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Cán bộ quản lý

#### 3.2.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;
- Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;
- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận thấy được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

#### 3.2.2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như các ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Trong thời gian hoạt động năm vừa qua, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty;
- Trong cả năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

#### 3.2.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ Công ty

- Nhờ việc thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị nội bộ Công ty, Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời các chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm;

- Ban Kiểm soát cũng đã đẩy mạnh việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế trả lương và các quy chế nội bộ khác theo đúng quy định.

## II. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### 1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

#### 1.1. Thù lao của HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	VNĐ	Ghi chú
Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT	36.000.000	
Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT	21.000.000	Miễn nhiệm từ ngày 21/07/2016
Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT	36.000.000	
Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT	36.000.000	
Đình Đặng Thủy Anh	Thành viên HĐQT	15.000.000	Bỏ nhiệm từ ngày 21/07/2016

#### 1.2. Thù lao của BKS:

Họ và tên	Chức vụ	VNĐ
Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000
Hồ Sĩ Bắc	Thành viên BKS	24.000.000
Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên BKS	24.000.000

### 2. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****I. Ý kiến kiểm toán****Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH kiểm toán TTP**Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD GROUP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**II. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính tại website: [www.amdgroup.vn](http://www.amdgroup.vn)

**Nguyễn Tiến Đức**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN**  
**AMD GROUP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## **NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2-4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 –10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 49

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102370070 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 12 năm 2016.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 623.999.360.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba tỷ chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch	
Ông Ngô Công Chính	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên	
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2016
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên	
Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/07/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/12/2016
Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng Giám đốc, kiểm kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/12/2016

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng ban
Ông Hồ Sĩ Bắc	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh. Mặc dù lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm (-) nhưng Công ty đã có kế hoạch phù hợp để đảm bảo tiếp tục hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP**

Tầng 9, Tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Tiến Đức**



Số: 187/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group*

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group, được lập ngày 28/03/2017, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group* tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017*

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Lê Phương Anh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
Số: 0739-2017-133-1*

**Hoàng Thị Khánh Vân**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0371-2017-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>845.253.411.825</b>	<b>226.624.306.590</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>61.167.446.711</b>	<b>23.781.116.772</b>
1. Tiền	111		61.167.446.711	23.781.116.772
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.748.248.663</b>	<b>1.948.515.663</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.02</b>	2.748.248.663	1.948.515.663
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>621.651.316.829</b>	<b>127.492.337.748</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.03</b>	263.160.859.712	64.780.312.102
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.04</b>	193.567.573.715	7.073.685.916
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.05</b>	38.950.000.000	24.800.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.06a</b>	126.266.883.402	30.838.339.730
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(294.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>149.065.150.408</b>	<b>70.203.116.891</b>
1. Hàng tồn kho	141		149.065.150.408	70.203.116.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.621.249.214</b>	<b>3.199.219.516</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.11</b>	1.133.236.345	145.931.528
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.488.012.869	3.051.884.859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.403.129
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>460.353.478.804</b>	<b>278.799.934.648</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.06b</b>	<b>62.778.601.000</b>	<b>1.767.199.236</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		62.778.601.000	1.767.199.236
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.039.459.515</b>	<b>4.769.825.519</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.039.459.515	4.769.825.519
- Nguyên giá	222		11.091.252.288	7.742.929.560
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(4.051.792.773)	(2.973.104.041)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.09	<b>67.067.860.308</b>	<b>36.229.211.827</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		753.018.669	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66.314.841.639	36.229.211.827
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.10	<b>197.818.036.971</b>	<b>84.838.448.097</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		197.818.036.971	84.838.448.097
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>125.649.521.010</b>	<b>20.712.754.969</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	11.233.290.847	20.712.754.969
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		(6.880.837)	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VII. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.12	<b>114.423.111.000</b>	<b>130.482.495.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.305.606.890.629</b>	<b>505.424.241.238</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>573.400.536.987</b>	<b>146.385.668.680</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>497.039.641.027</b>	<b>139.197.468.680</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	325.436.827.155	39.008.454.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	100.961.030.450	77.046.665.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	23.180.120.201	11.808.594.871
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.200.000	5.200.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.592.272.729
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.039.286.002	215.681.750
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	39.631.978.025	6.735.400.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.785.199.194	1.785.199.194
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>76.360.895.960</b>	<b>7.188.200.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	76.360.895.960	7.188.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>732.206.353.642</b>	<b>359.038.572.558</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>732.206.353.642</b>	<b>359.038.572.558</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		623.999.360.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(90.000.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262.959.345	262.959.345
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.602.475.660	1.785.199.194
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.709.876.063	892.599.597
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.349.746.022	40.441.529.311
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.371.936.552	15.656.285.111
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.305.606.890.629</b>	<b>505.424.241.238</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh



Nguyễn Tiến Đức

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND  
Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.445.628.914,014	1.030.722.970.682
2. Các khoản giảm trừ	02		62.699.078.903	571.735.091
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.382.929.835,111	1.030.151.235.591
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.277.411.027.688	970.733.469.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		105.518.807.423	59.417.766.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.322.333.083	2.294.057.000
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.186.391.257	436.542.392
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.868.324.659	490.880.181
8. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(10.158.216)	(20.992.328)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	2.099.957.547	492.389.145
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	44.714.387.937	25.943.835.825
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		57.830.245.549	34.818.063.404
12. Thu nhập khác	31	VI.6	2.190.551.328	740.599.735
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.678.032.203	439.459.124
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		512.519.125	301.140.611
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		58.342.764.674	35.119.204.015
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	14.941.115.047	10.098.483.019
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.401.649.627	25.020.720.996
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		883.340.772	817.171.570
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		42.518.308.855	24.203.549.426
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.077,88	806,78
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh



Nguyễn Tiến Đức

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	58.342.764.674	35.119.204.015
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17.138.072.732	17.069.149.280
- Các khoản dự phòng	03	309.011.492	
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(32.309.686)	3.083.253
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(430.918.430)	(1.965.476.233)
- Chi phí lãi vay	06	1.878.780.472	298.184.382
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi VLD	08	77.205.401.254	50.524.144.697
-(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(478.083.971.175)	7.736.263.526
-(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(78.862.033.517)	(54.753.103.342)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	319.769.929.815	25.901.259.806
-(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	8.492.159.305	(1.793.216.626)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.878.780.472)	(298.184.382)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.961.092.490)	(4.599.992.049)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.106.873	437.766.969
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.596.515.283)	(731.995.218)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(163.895.795.690)</b>	<b>22.422.943.381</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(34.125.769.391)	(1.429.190.910)
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(55.867.733.000)	(77.460.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.918.000.000	119.078.004.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(361.991.063.121)	(104.700.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	650.374.720	1.919.218.566
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(410.416.190.792)</b>	<b>(62.591.968.344)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	510.000.000.000	60.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	119.648.448.900	15.655.296.440
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.579.174.915)	(27.660.741.240)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(364.339.389)	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>611.704.934.596</b>	<b>47.994.555.200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>37.392.948.114</b>	<b>7.825.530.237</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.781.116.772	15.955.586.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.618.175)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>61.167.446.711</b>	<b>23.781.116.772</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Đức

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102370070 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi 15 vào ngày 24 tháng 12 năm 2016.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 623.999.360.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba tỷ chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 18 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

Ngành nghề kinh doanh của Công ty này bao gồm:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá  
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán)
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động của các tác giả khoa học công nghệ; Hoạt động môi giới thương mại; Tư vấn về nông học; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ khác.
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết:  
*Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình*  
*Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*  
*Tư vấn đầu tư xây dựng công trình;*  
*Lập kế hoạch phát triển đô thị và cảnh quan;*  
*Thiết kế máy móc, thiết bị;*  
*Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông, công trình giao thông, thẩm tra công trình giao thông;*  
*Tư vấn thiết kế xây dựng công trình điện, giám sát thi công xây dựng công trình điện;*  
*Khảo sát địa hình;*  
*Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình;*  
*Thiết kế quy hoạch xây dựng;*  
*Thiết kế xây dựng công trình;*  
*Giám sát thi công xây dựng;*

*Định giá xây dựng:*

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Giáo dục nghề nghiệp
- Chi tiết: Dạy nghề;*
- Giáo dục mầm non;
  - Giáo dục tiểu học;
  - Đào tạo cao đẳng;
  - Giáo dục thể thao và giải trí;
  - Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
  - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
  - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
  - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
  - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Đại lý du lịch;
  - Điều hành tua du lịch;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
  - Sửa chữa thiết bị liên lạc;
  - Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
  - Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
  - Sản xuất linh kiện điện tử;
  - Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
  - Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
  - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
  - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
  - Sản xuất đồ điện dân dụng;
  - Sản xuất thiết bị điện khác;
  - Sửa chữa máy móc thiết bị;
  - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
  - Sửa chữa thiết bị điện;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
  - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;



- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
*Chi tiết:*  
*Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện)*  
*Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi)*  
*Bán buôn máy móc, thiết bị y tế ;*  
*Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu*
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  
*Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;*
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ;  
*Chi tiết:*  
*Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh*  
*Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh*  
*Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện*  
*Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự*  
*Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm*  
*Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao*
- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  
*Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;*
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

- Chi tiết: thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;*
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Khai thác quặng sắt;
  - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
- Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)*
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
  - Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;*
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Bán buôn kim loại và quặng kinh loại;
  - Hoạt động thiết kế chuyên dụng
- Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
- Bán buôn đồ uống;
  - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;*
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
  - Vận tải hàng hóa đường sắt;
  - Vận tải hành khách đường sắt;
- Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;*
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
- Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ liên quan);*
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Chi tiết: tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;*
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
  - Khai thác và thu gom than cứng;

- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì bằng giấy và bìa;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu  
*Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;*  
*Sản xuất dây cáp kim loại, dây xếp nếp và các chi tiết tương tự;*  
*Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;*
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh  
*Chi tiết: bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Lập trình máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;*
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bán phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục và sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Chi tiết:*
  - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
  - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh*
  - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ gỗ) trong các cửa hàng chuyên doanh*
  - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;*
  - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh*

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ đồ uống có cồn;

Bán lẻ đồ uống không có cồn;

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
  - Chăn nuôi gia cầm;
  - Chăn nuôi khác;
  - Xay sát và sản xuất bột thô;
  - Dịch vụ ăn uống khác;
  - Hoạt động chiếu phim;
  - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu;
  - Chăn nuôi trâu, bò;
  - Chăn nuôi lợn;
  - Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
  - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
  - Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
  - Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
  - Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
  - Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
  - Sản xuất giấy dếp;
  - Khai thác gỗ;
  - Khai thác lâm sản khác từ gỗ;
  - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Chi tiết: vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
  - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
  - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
  - Sản xuất đồ chơi, trò chơi( trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
  - Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
  - Sản xuất rượu vang;

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác  
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như:*

*Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác...*

*Đá quý, bột thạch anh, mica.*

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim khác chưa được phân vào đâu
- Đúc sắt thép
- Đúc kim loại màu
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

*Chi tiết:*

*Môi giới bất động sản*

*Dịch vụ quản lý bất động sản*

*Dịch vụ tư vấn bất động sản*

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
- Công thông tin
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết:*

*Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;*

*Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;*

*Các dịch vụ cất xén thông tin, báo chí.*

- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

#### **Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chúng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.



Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

#### **5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	3 – 8 năm
- Phương tiện vận tải	8 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

#### **8. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

### **12. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thường... được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **16. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập

báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu không tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

***Các Công ty trong phạm vi hợp nhất Báo cáo Tài chính này bao gồm:***

<b>Tên Công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Công ty CP Pink house Việt Nam	Số nhà 89 - Ngõ 178 Nguyễn Lương Bằng - P.Quang Trung - Q.Đống Đa - TP.Hà Nội
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62 - Ngõ 322 - Phố Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân - Hà Nội
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, P. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội.
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản	Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
<b>Tên Công ty liên kết</b>	
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
Công ty CP Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.
Công ty CP TM và Dịch vụ Việt Bỉ	Km 12, quốc lộ 32, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Công ty CP Xây lắp công trình Việt Hàn	Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Công ty CP Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	31.043.475.800	3.113.676.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.123.970.911	20.667.440.181
<b>Cộng</b>	<b>61.167.446.711</b>	<b>23.781.116.772</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.748.248.663</b>	<b>2.748.248.663</b>	<b>1.948.515.663</b>	<b>1.948.515.663</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.748.248.663	2.748.248.663	1.948.515.663	1.948.515.663
<b>Cộng</b>	<b>2.748.248.663</b>	<b>2.748.248.663</b>	<b>1.948.515.663</b>	<b>1.948.515.663</b>

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>255.254.638.794</b>	-	<b>52.427.644.077</b>	-
Công ty TNHH tư vấn và TCN CTECH Việt Nam	5.085.987.000		5.085.987.000	
Công ty CP đầu tư và thiết kế ECONTEC VN	2.234.482.580			
Công ty TNHH Sản xuất và XNK Huy Hoàng	4.970.340.265			
Công ty TNHH đầu tư và phát triển địa ốc Hai	7.420.140.000		16.420.140.000	
Công ty cổ phần thiết bị Năm Sao Việt	11.356.046.400		10.649.900.000	
Công ty CP CN Quốc Gia	27.694.050.200			
Công ty TNHH MTV Cốp Pha Thép Thái Hưng			5.752.147.880	
Công ty CP TM Thái Hưng	162.777.820.800		2.689.480.863	
Công cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Trung Thiên	4.570.698.555		-	
Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	10.162.563.230		7.891.461.335	
Tổng cục du lịch Việt Nam			3.938.526.999	
Công ty CP Xây dựng Faros	5.287.363.167			
Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	13.695.146.597			
Trường đại học sư phạm Hà Nội 2	2.651.579.500		4.306.579.500	
Công ty TNHH MTV quang điện- điện tử			1.929.756.000	
- Các đối tượng khác	5.254.641.418		6.116.332.525	
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>263.160.859.712</b>	-	<b>64.780.312.102</b>	-

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	Công ty liên kết	13.695.146.597	-

#### 4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>193.567.573.715</b>	<b>-</b>	<b>7.073.685.916</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH đầu tư và thương mại UIIC Việt Nam			2.623.361.400	
Công ty CPPT Công nghệ AD&D Việt Nam	5.617.913.979			
Công ty cổ phần DGI	68.993.203.500			
Công ty TNHH Đại Hoàng Việt	417.000.000			
Cty CP Đông Nam Á Việt Nam	5.088.110.000			
Công ty TNHH Thang Máy Hyundai Thành Công VN	1.627.110.000			
Công ty Cổ phần INTOP	4.085.000.000			
Cty TNHH Xây dựng Thương Mại Vận Tải Văn Hoa	2.735.019.144			
Công ty CP xây lắp công trình Việt Hàn	71.274.766.500			
Công ty CP KBG Việt Nam	10.334.192.400			
Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phú Bình	7.986.906.480			
Oerlikon leybold vacuum singapore pte ltd			1.408.113.000	
- Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ			1.102.000.000	
Các đối tượng khác	15.408.351.712		1.940.211.516	
<b>Cộng</b>	<b>193.567.573.715</b>	<b>-</b>	<b>7.073.685.916</b>	<b>-</b>

b. Trả trước người bán là các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP xây lắp công trình Việt Hàn	Công ty liên kết	71.274.766.500	-

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Diễn giải	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Nguyễn Thị Quyên	2.450.000.000		7.300.000.000	
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Việt Bi (*)	17.000.000.000			
Bà Lưu Thị Hải Yến (**)	7.000.000.000			
Bà Bùi Thị Tuyết (*)	12.500.000.000		12.500.000.000	
Ông Nguyễn Duy Bình			5.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>38.950.000.000</b>		<b>24.800.000.000</b>	

- Hợp đồng cho Bà Nguyễn Thị Quyên vay số 0107/2015/HĐVT/AMD1-QUYEN ngày 01/07/2015 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 0107/2016 ngày 01/01/2016 ngày với số tiền vay là 2.450.000.000 VND, số dư tại thời điểm 31/12/2016 là: 2.450.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%.

(\*)- Theo hợp đồng vay tiền số 01/2016/HĐVT/AMD MINING - VIETBI ngày 29/06/2016, số tiền vay 17.000.000.000 VND, kỳ hạn vay: 1 năm, lãi suất: 1%/tháng; phụ lục hợp đồng số 1 ngày 01/07/2016 sửa đổi điều khoản lãi suất cho vay bằng 1%/năm từ 01/07/2016, gốc và lãi nhận khi đáo hạn hợp đồng.

(\*\*)- Theo hợp đồng vay tiền số 02/2016/HĐVT/AMD MINING - YENLTH ngày 13/06/2016, số tiền vay 8.000.000.000 VND, kỳ hạn vay: 1 năm, lãi suất: 1%/tháng.

- (\*) Hợp đồng vay tiền số 01/2016/HĐVM - PH ngày 17/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Pink house Việt Nam và Bà Bùi Thị Tuyết: Số tiền vay là 12.500.000.000 VND, thời hạn vay là 03 tháng (từ 17/06/2016 - 17/09/2016), lãi suất cho vay 0%. (Hợp đồng cho vay tiền căn cứ vào Nghị Quyết số 01/2015/NQ-PINKHOUSE ngày 12/03/2015 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Pink house Việt Nam về việc cho vay vốn từ nguồn từ nguồn vốn lưu động).

c. Phải thu về cho vay là các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	Công ty liên kết	17.000.000.000	-

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>126.266.883.402</b>	<b>294.000.000</b>	<b>30.838.339.730</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.290.051.682		129.148.700	
- Dư nợ phải trả khác	25.000.000.000			
- Tạm ứng	49.680.251.928		16.102.198.677	
- Phải thu khác	45.296.579.792	294.000.000	14.606.992.353	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>62.778.601.000</b>	<b>-</b>	<b>1.767.199.236</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ			1.767.199.236	
- Phải thu dài hạn khác (*)	62.778.601.000			
<b>Cộng</b>	<b>189.045.484.402</b>	<b>294.000.000</b>	<b>32.605.538.966</b>	<b>-</b>

**Chi tiết công nợ phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.296.579.792</b>	-	<b>14.606.992.353</b>	-
- Ông Nguyễn Văn Hương (Đặt cọc mua cổ phần)	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP DV Pháp Việt (Ủy thác đầu tư)	30.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Văn Tân	-	-	14.200.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	296.579.792	-	406.992.353	-
<b>Dài hạn</b>	<b>62.778.601.000</b>	-	-	-
- Công ty CP TM và DV Việt Bi (Ủy thác đầu tư)	62.000.000.000	-	-	-
- Phải thu dài hạn khác	778.601.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>108.075.180.792</b>	-	<b>14.606.992.353</b>	-

Trong đó số dư với các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Văn Hương (Đặt cọc mua cổ phần)	Ủy viên HĐQT Công ty CP AMD Khoáng sản	15.000.000.000	-
- Công ty CP DV Pháp Việt (Ủy thác đầu tư)	Công ty liên kết	92.000.000.000	-
- Nguyễn Văn Tân	Giám đốc Công ty CP TM và DV Đồng Sơn	-	14.200.000.000

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	118.915.437	-	101.315.437	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh	15.250.382.719	-	5.511.920.042	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	133.695.852.252	-	64.589.881.412	-
- Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>149.065.150.408</b>	-	<b>70.203.116.891</b>	-

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 1)**

**9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn**

**b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí đường dây và trạm biến áp xưởng Núi Bền	788.091.000	-
- Chi phí XD Mộ Núi Loáng	29.236.336.994	-
- Dự án xây dựng trung tâm đào tạo Xuân Phương	33.303.762.442	33.303.762.442
- Đại học tổng hợp Bắc Ninh: CP chung toàn dự án	2.911.813.021	2.911.813.021
- Dự án khác	827.856.851	13.636.364
<b>Cộng</b>	<b>67.067.860.308</b>	<b>36.229.211.827</b>

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (phụ lục 2)**

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.133.236.345</b>	<b>145.931.528</b>
Chi phí bảo hiểm vật chất xe	-	-
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	1.133.236.345	145.931.528
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>11.233.290.847</b>	<b>20.712.754.969</b>
Phi lắp đặt và đặt biển quảng cáo tại sân golf Sầm Sơn	-	4.545.454.545
Chi phí lập hồ sơ xin khai thác khoáng sản đá vôi Núi Bền	700.000.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	9.333.333.337	199.366.378
Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	-	15.333.333.337
Công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	1.199.957.510	634.600.709
Chi phí trả trước chờ phân bổ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.366.527.192</b>	<b>20.858.686.497</b>

**12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị lợi thế thương mại đầu năm	130.482.495.000	146.541.879.000
Lợi thế thương mại lãng trong năm	-	-
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	16.059.384.000	16.059.384.000
<b>Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2016</b>	<b>114.423.111.000</b>	<b>130.482.495.000</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>325.436.827.155</b>	<b>325.436.827.155</b>	<b>39.008.454.155</b>	<b>39.008.454.155</b>
Công ty Cổ phần B.C.H	-	-	6.886.521.587	6.886.521.587
Chi nhánh công ty TNHH DKSH Việt Nam tại HN	-	-	964.920.000	964.920.000
Công ty cổ phần thiết bị công nghệ ETS	2.558.387.000	2.558.387.000	4.620.837.000	4.620.837.000
Công ty CP tập đoàn FLC	1.997.360.000	1.997.360.000	7.639.210.000	7.639.210.000
Công ty TNHH đầu tư và thương mại UHC Việt Nam	3.248.400.000	3.248.400.000	-	-
Công ty cổ phần Thép Việt Ý	256.293.507.184	256.293.507.184	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	-	-	1.532.440.917	1.532.440.917
- Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ CTECH Việt Nam	11.397.843.693	11.397.843.693	-	-
- Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	-	-	983.899.173	983.899.173

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
- Houilly int'l industrial corp LTM	840.046.800	840.046.800	-	-
- Xiamen Henglongs Imp&Exp.Co Ltd (TT qua industrial and commercial bank of China	5.416.869.040	5.416.869.040	-	-
- Actech	4.404.038.456	4.404.038.456	-	-
- Công ty Cổ phần KBG Việt Nam	5.039.407.551	5.039.407.551	-	-
- Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	2.750.000.000	2.750.000.000	-	-
- Công ty cổ phần kiến trúc và cơ khí Hải Phong	1.862.389.000	1.862.389.000	-	-
- Tổng công ty Dầu Từ Hà Thanh- Cty Cổ phần	2.695.544.630	2.695.544.630	-	-
- Công ty TNHH Song Hào	998.476.200	998.476.200	-	-
- Công ty TNHH kinh doanh vật tư tổng hợp Phú Hùng	6.000.343.474	6.000.343.474	-	-
- Các đối tượng khác	19.934.214.127	19.934.214.127	16.380.625.478	16.380.625.478
<b>Cộng</b>	<b>325.436.827.155</b>	<b>325.436.827.155</b>	<b>39.008.454.155</b>	<b>39.008.454.155</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	Công ty liên kết	2.750.000.000	-

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>100.961.030.450</b>	<b>61.343.281.350</b>	<b>77.046.665.981</b>	<b>77.046.665.981</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	-	-	58.359.249.999	58.359.249.999
Cty CP đầu tư Xây Dựng An Bình	1.729.564.674	1.729.564.674	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phú Bình	2.062.450.000	2.062.450.000	-	-
Công ty TNHH Unieco	5.079.910.000	5.079.910.000	-	-
Ban quản lý dự án EU Helth (EPOS)	9.661.902.358	9.661.902.358	9.661.902.358	9.661.902.358
BQLDA EU Mutrap	2.324.655.923	2.324.655.923	5.418.962.342	5.418.962.342
Tổ chức DAI	-	-	512.429.625	512.429.625
2013. Văn phòng đại diện GIZ tại HN	-	-	886.610.000	886.610.000

## 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ban quản lý DA: "Quản lý tổng hợp tài nguyên nước Mê Công"	392.122.187	392.122.187	-	-
Ban quản lý Các dự án Thủy Lợi WB5	-	-	721.067.000	721.067.000
Công ty cổ phần thiết bị công nghệ ETS	8.460.208.671	8.460.208.671	1.102.000.000	1.102.000.000
Viện ứng dụng công nghệ	17.391.400.000	17.391.400.000	-	-
Viện khoa học vật liệu	9.752.900.000	9.752.900.000	-	-
- Công ty cổ phần DGI	29.384.249.100	-	-	-
- Công ty cổ phần INTOP	3.085.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thương mại và dịch DTLS	7.148.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Quốc Thịnh	2.250.000.000	2.250.000.000	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng An Bình - Thăng Long	268.692.600	268.692.600	-	-
Các đối tượng khác	1.969.474.937	1.969.474.937	384.444.657	384.444.657
<b>Cộng</b>	<b>100.961.030.450</b>	<b>61.343.281.350</b>	<b>77.046.665.981</b>	<b>77.046.665.981</b>

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT phải nộp	2.597.413.549	2.018.758.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.107.153.385	9.126.260.355
Thuế thu nhập cá nhân	807.177.076	663.576.494
<b>Cộng</b>	<b>23.180.120.201</b>	<b>11.808.594.871</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.039.286.002</b>	<b>215.681.750</b>
- Bảo hiểm xã hội	-	126.681.750
- Phải trả, phải nộp khác	(10.900.000)	89.000.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Dự Có tài khoản phải thu khác (*)	6.050.186.002	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>6.039.286.002</b>	<b>215.681.750</b>

(\*) Dư có phải thu khác các bên liên quan:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư Vip Royal	Công ty liên kết	6.000.000.000	

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Phụ lục 3)**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 4)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các đối tượng khác	623.999.360.000	100,00	300.000.000.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>623.999.360.000</b>	<b>100,00</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	323.999.360.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	623.999.360.000	300.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.399.936	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.399.936	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	62.399.936	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.399.936	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	62.399.936	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**e. Các quỹ Công ty**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>2.602.475.660</b>	<b>1.785.199.194</b>
Trong đó: Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	2.602.475.660	1.785.199.194
<b>Cộng</b>	<b>2.602.475.660</b>	<b>1.785.199.194</b>



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 1. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.445.628.914.014</b>	<b>1.030.722.970.682</b>
Doanh thu kinh doanh BĐS	379.762.786.788	372.841.608.982
Doanh thu bán hàng hóa	998.025.449.738	611.979.942.851
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.840.677.488	45.901.418.849
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>62.699.078.903</b>	<b>571.735.091</b>
- Hàng bán bị trả lại	62.699.078.903	571.735.091
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.382.929.835.111</b>	<b>1.030.151.235.591</b>

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn kinh doanh BĐS	531.631.226.225	461.999.262.618
Giá vốn hàng hóa	381.659.936.296	478.247.244.026
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	364.119.865.167	30.486.962.853
<b>Cộng</b>	<b>1.277.411.027.688</b>	<b>970.733.469.497</b>

### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	619.137.432	2.136.359.182
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi do bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	102.616.512	144.731.615
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	600.579.139	-
Doanh thu hoạt động TC khác	-	12.966.203
<b>Cộng</b>	<b>1.322.333.083</b>	<b>2.294.057.000</b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.923.191.121	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	263.200.136	138.358.010
Chi phí tài chính khác	-	298.184.382
<b>Cộng</b>	<b>2.186.391.257</b>	<b>436.542.392</b>

### 6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu khác	2.190.551.328	740.599.735
<b>Cộng</b>	<b>2.190.551.328</b>	<b>740.599.735</b>

### 7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền phạt vi phạm các quy định về thuế	1.508.445.796	63.146.056
- Các khoản khác	169.586.407	376.313.068
<b>Cộng</b>	<b>1.678.032.203</b>	<b>439.459.124</b>

**8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.058.122.175	1.050.645.799
- Chi phí nhân công	6.578.240.440	4.493.900.037
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.655.121.618	2.551.376.748
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	153.521.297	112.704.126
- Thuế, phí, lệ phí	518.458.084	294.993.805
- Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	16.059.384.000	16.059.384.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.880.915.655	1.034.442.307
- Chi phí khác bằng tiền	5.910.582.215	838.778.148
<b>Cộng</b>	<b>46.814.345.484</b>	<b>26.436.224.970</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.941.115.047	10.098.483.019
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.941.115.047</b>	<b>10.098.483.019</b>
Trong đó:		
- Thuế TNDN phải nộp của công ty mẹ	10.906.246.146	10.098.483.019
- Thuế TNDN phải nộp của các công ty con	4.034.868.901	-
<b>Cộng</b>	<b>14.941.115.047</b>	<b>10.098.483.019</b>

**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	42.518.308.855	24.203.549.426
Các khoản điều chỉnh :		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.518.308.855	24.203.549.426
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.446.270	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.077,88</b>	<b>806,78</b>
<b>Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>10.000 VND / CP</b>	<b>10.000 VND / CP</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm: 23.999.360.000 VND là số tiền tăng vốn thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được Đại hội cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/DHCD - NQ ngày 27/02/2016.

## 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.167.446.711		23.781.116.772	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	452.206.344.114	(294.000.000)	97.385.851.068	-
Các khoản cho vay	38.950.000.000		24.800.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	2.748.248.663		1.948.515.663	
Đầu tư dài hạn	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>555.072.039.488</b>	<b>(294.000.000)</b>	<b>147.915.483.503</b>	<b>-</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	115.992.873.985	13.923.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	331.476.113.157	39.224.135.905
Chi phí phải trả	5.200.000	5.200.000
<b>Cộng</b>	<b>447.474.187.142</b>	<b>53.152.935.905</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tình không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.167.446.711			61.167.446.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	389.427.743.114	62.778.601.000		452.206.344.114
Các khoản cho vay	38.950.000.000			38.950.000.000
Đầu tư ngắn hạn	2.748.248.663			2.748.248.663
Đầu tư dài hạn				-
<b>Cộng</b>	<b>492.293.438.488</b>	<b>62.778.601.000</b>	<b>-</b>	<b>555.072.039.488</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.781.116.772			23.781.116.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.618.651.832	1.767.199.236		97.385.851.068
Các khoản cho vay	24.800.000.000			24.800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	1.948.515.663			1.948.515.663
Đầu tư dài hạn				-
<b>Cộng</b>	<b>146.148.284.267</b>	<b>1.767.199.236</b>	<b>-</b>	<b>147.915.483.503</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	39.631.978.025	76.360.895.960		115.992.873.985
Phải trả người bán, phải trả khác	331.476.113.157			331.476.113.157
Chi phí phải trả	5.200.000			5.200.000
<b>Cộng</b>	<b>371.113.291.182</b>	<b>76.360.895.960</b>	<b>-</b>	<b>447.474.187.142</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	6.735.400.000	7.188.200.000		13.923.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	39.224.135.905			39.224.135.905
Chi phí phải trả	5.200.000			5.200.000
<b>Cộng</b>	<b>45.964.735.905</b>	<b>7.188.200.000</b>	<b>-</b>	<b>53.152.935.905</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Doanh thu kinh doanh BĐS	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	379.762.786.788	935.326.370.835	67.840.677.488	1.382.929.835.111
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>379.762.786.788</b>	<b>935.326.370.835</b>	<b>67.840.677.488</b>	<b>1.382.929.835.111</b>
Chi phí bộ phận	531.631.226.225	381.659.936.296	364.119.865.167	1.277.411.027.688
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(151.868.439.437)</b>	<b>553.666.434.539</b>	<b>(296.279.187.679)</b>	<b>105.518.807.423</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>46.814.345.484</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				58.704.461.939
Lợi nhuận trong công ty liên kết				(10.158.216)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.322.333.083
Chi phí tài chính				2.186.391.257
Thu nhập khác				2.190.551.328
Chi phí khác				1.678.032.203
Thuế TNDN hiện hành				14.941.115.047
Thuế TNDN hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>43.401.649.627</b>

## 4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Tên khách hàng	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Đầu tư Vip Royal	Công ty liên kết	Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Decohouse	6.000.000.000

### Thu nhập của hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS	1.125.420.131	326.121.590

**4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	35,26%	55,16%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	64,74%	44,84%
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,92%	28,96%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	56,08%	71,04%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	2,28	3,45
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,70	1,63
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,13	0,18
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	4,21%	3,40%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	3,13%	2,42%
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,47%	6,95%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,32%	4,95%
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	5,93%	6,97%

**5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thùy Anh

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Tổng Giám đốc**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ  
KHOÁNG SẢN  
AMD GROUP  
NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI



Nguyễn Tiến Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP**  
 Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục I

**8. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	-	3.317.495.455	6.759.856.833	785.709.091	197.363.636	7.742.929.560
Số tăng trong năm	-	3.317.495.455	-	30.827.273	-	3.348.322.728
- Mua trong năm	-	3.317.495.455	-	30.827.273	-	3.348.322.728
- Đầu tư XCDB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển sang đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.317.495.455	6.759.856.833	816.536.364	197.363.636	11.091.252.288
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	2.553.492.165	296.609.133	123.002.743	2.973.104.041
Số tăng trong năm	-	-	766.522.812	256.771.976	55.393.944	1.078.688.732
- Khấu hao trong năm	-	-	766.522.812	256.771.976	55.393.944	1.078.688.732
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển sang đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	3.320.014.977	553.381.109	178.396.687	4.051.792.773
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	4.206.364.668	489.099.958	74.360.893	4.769.825.519
Tại ngày cuối năm	-	3.317.495.455	3.439.841.856	263.155.255	18.966.949	7.039.459.515

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP**

Tầng 1, tòa nhà VAS, Mỹ Đình 1, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Phụ lục 2:

**10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>197.818.036.971</b>	-	<b>197.818.036.971</b>	<b>84.838.448.097</b>	<b>84.838.448.097</b>
- Công ty Cổ phần Decohouse	39.836.285.921	-	39.836.285.921	39.857.386.935	39.857.386.935
- Công ty CP Dịch vụ Pháp Việt	44.956.746.087	-	44.956.746.087	44.981.061.162	44.981.061.162
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Việt Bỉ	27.987.327.899	-	27.987.327.899	-	-
- Công ty CP Xây lắp công trình Việt Hàn	40.042.069.499	-	40.042.069.499	-	-
- Công ty CP Đầu tư VIP ROYAL	44.995.607.566	-	44.995.607.566	-	-
<b>Cộng</b>	<b>197.818.036.971</b>	-	<b>197.818.036.971</b>	<b>84.838.448.097</b>	<b>84.838.448.097</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40,00%	40,00%	Công ty CP DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Công ty CP Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	44,80%	44,80%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Việt Bỉ	Km 12, quốc lộ 32, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	34,80%	34,80%	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ
- Công ty CP Xây lắp công trình Việt Hàn	Số 201 đường Phương Canh, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	32,00%	32,00%	Tư vấn, xây dựng và thương mại
- Công ty CP Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	36,00%	36,00%	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP  
Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Phụ lục 3

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	39.631.978.025	39.631.978.025	49.735.352.940	16.838.774.915	6.735.400.000	6.735.400.000	6.735.400.000	6.735.400.000
- Vay Ngân hàng	39.631.978.025	39.631.978.025	49.731.852.940	16.835.274.915	6.735.400.000	6.735.400.000	6.735.400.000	6.735.400.000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Dechouse	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN HN	36.660.058.200	36.660.058.200	45.437.002.940	8.776.944.740	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	1.586.919.825	1.586.919.825	2.400.200.000	813.280.175	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hàn Thuyên	845.000.000	845.000.000	1.894.650.000	2.245.050.000	1.195.400.000	1.195.400.000	1.195.400.000	1.195.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tây Hà Nội	540.000.000	540.000.000	-	-	540.000.000	540.000.000	540.000.000	540.000.000
- Vay cá nhân	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-	-	-
Vay dài hạn	76.360.895.960	76.360.895.960	69.913.095.960	740.400.000	7.188.200.000	7.188.200.000	7.188.200.000	7.188.200.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hàn Thuyên	232.800.000	232.800.000	-	200.400.000	433.200.000	433.200.000	433.200.000	433.200.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tây Hà Nội	215.000.000	215.000.000	-	540.000.000	755.000.000	755.000.000	755.000.000	755.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Hà Thành	69.913.095.960	69.913.095.960	69.913.095.960	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>39.864.778.025</b>	<b>39.864.778.025</b>	<b>49.735.352.940</b>	<b>17.579.174.915</b>	<b>7.168.600.000</b>	<b>7.168.600.000</b>	<b>7.168.600.000</b>	<b>7.168.600.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP**

Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Phụ lục 4

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	300.000.000.000			262.959.345		14.539.113.541	20.700.977.870	335.503.050.756
- Tăng vốn năm trước								-
- Lãi trong năm trước							24.203.549.426	24.203.549.426
- Trích lập các quỹ			1.785.199.194		892.599.597	1.117.171.570		1.785.199.194
- Tặng khác								2.009.771.167
- Lỗ trong năm								-
- Chi trả cổ tức								-
- Giảm khác							(4.462.997.985)	(4.462.997.985)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.785.199.194</b>	<b>262.959.345</b>	<b>892.599.597</b>	<b>15.656.285.111</b>	<b>40.441.529.311</b>	<b>359.038.572.558</b>
- Tăng vốn trong năm	323.999.360.000							323.999.360.000
- Lãi trong năm							42.518.308.855	42.518.308.855
- Trích lập các quỹ			817.276.466		817.276.466	30.715.651.441	(1.634.552.932)	(1.634.552.932)
- Tặng khác							23.820.788	30.739.472.229
- Lỗ trong năm								-
- Phân phối lợi nhuận							(23.999.360.000)	(23.999.360.000)
- Cổ tức		(90.000.000)						(90.000.000)
- Giảm khác		(90.000.000)						(90.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>623.999.360.000</b>	<b>(90.000.000)</b>	<b>2.602.475.660</b>	<b>262.959.345</b>	<b>1.709.876.063</b>	<b>46.371.936.552</b>	<b>57.349.746.022</b>	<b>732.206.353.642</b>

